

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 01 năm 2010

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2010 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 01 năm 2009</i>	<i>Tháng 12 năm 2009</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,83	106.88	101.34
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,93	106.64	102.13
1- Lương thực	112,18	111.59	104.51
2- Thực phẩm	103,85	104.50	101.56
3- Ăn uống ngoài gia đình	105,66	109.64	100.90
II. Đồ uống và thuốc lá	105,32	106.31	101.12
III. May mặc, mũ nón, giày dép	105,36	105.67	101.16
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	109,43	112.00	101.58
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,87	104.62	100.62
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	101,19	103.19	100.28
VII. Giao thông	111,09	112.58	100.47
VIII. Bưu chính viễn thông	96,34	96.33	99.91
IX. Giáo dục	105,74	103.01	100.29
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	102,03	101.01	100.08
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	107,51	110.34	102.16

^(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng